

Bản án số: **84/2019/HS-PT**
Ngày: 20-03-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành.

Ông Đinh Quang Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 03 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 37/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lê Thị T do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 370/2018/HS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị T, sinh năm 2000 tại Thanh Hoá; Nơi đăng ký thường trú: xóm Đ, xã V, huyện V1, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú hiện nay: khu H, ấp T, xã H 3, huyện T1, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đăng Q (1964) và bà Lê Thị L (1966); có chồng là Nguyễn Hữu P (1996). Bị cáo có 01 con (sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo T bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 134 ngày 18/6/2018 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 7186/LCCT-VKSBH ngày 23/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo T:

1. Luật sư Lê Quang A – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Văn N – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Ngoài ra còn có người bị hại không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị T và N1 (không rõ họ, địa chỉ) có quen biết với nhau. Thông qua N1, T quen biết với H và T1 (không rõ họ, địa chỉ) rủ T tham gia bán vàng giả lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý và cùng các đối tượng trên đến các tiệm kinh doanh vàng trên địa bàn huyện T1 lừa đảo bán vàng giả trót lọt 02 (Hai) vụ và T được chia tiền sau mỗi vụ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khoảng 07 giờ, ngày 08-3-2018, N1 điều khiển xe mô tô biển số 95E1-201.xx đến phòng trọ của T tại xã H 3, huyện T1, tỉnh Đồng Nai chở T đến khu vực quảng trường tỉnh Đồng Nai gặp T1 và H để cùng nhau đi bán vàng giả. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 95E1-201.xx đi theo T1 và H (mỗi người chạy một xe Exiter, không rõ biển số) đến tiệm vàng “K” thuộc phường T2, thành phố B do chị Phan Thị Ngọc G làm chủ. Tại đây T1 lấy trong người 01 (Một) dây chuyền bằng kim loại màu vàng (dây kim loại bằng bạc mạ vàng) đưa cho T để vào bên trong tiệm vàng cầm, còn T1 và H đứng bên ngoài. Sau đó, T mang sợi dây chuyền trên vào tiệm và đề nghị cầm với giá 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) thì chị G đồng ý cầm và đưa sợi dây chuyền trên cho nhân viên tiệm vào bên trong kiểm tra, còn chị G viết giấy biên nhận và đếm tiền giao cho T thì nhân viên tiệm vàng phát hiện sợi dây chuyền của T cầm là vàng giả nên báo cho chị G tri hô quần chúng nhân dân bắt giữ T, giao Công an phường T2 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, lập hồ sơ chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xử lý, còn T1 và H bỏ chạy thoát.

Tang vật thu giữ, gồm:

- 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 60 cm.

- 01 (Một) chiếc xe mô tô biển số 95E1-201.xx và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 95E1-201.xx T đã sử dụng làm phương tiện phạm

tội hiện chưa xác minh được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh, xử lý sau.

- Hợp đồng cầm đồ: lưu hồ sơ.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy và 01 (Một) thẻ căn cước mang tên Lê Thị T do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

- 01 (Một) sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, dài 63cm và 01 (Một) sợi lắc bằng kim loại màu vàng, dài khoảng 19cm do đối tượng N1 mang đến cầm cho chị G, hiện Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, điều tra, xác minh, tách ra xử lý sau.

Tại Bản kết luận giám định số 1349/C54B của phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 02-4-2018 đã kết luận sợi dây chuyền kim loại màu vàng, trọng lượng 37,8 gam, có ký hiệu M1 như sau:

“Mẫu M1 có thành phần chính là bạc (Ag), được xi lớp vàng mỏng bên ngoài (hàm lượng vàng (Au) rất thấp). Thành phần kim loại như sau:

Stt	Tên mẫu	Ag (%)	Au (%)	Cu (%)
1	M1	98,44	0,14	1,42

Trách nhiệm dân sự: Chị Phan Thị Ngọc G không yêu cầu bị cáo Lê Thị T bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 346/CT-VKSBH ngày 19/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 370/2018/HS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 15; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lê Thị T 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, biện pháp tư pháp và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23/10/2018, bị cáo Lê Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

Hành vi của bị cáo Lê Thị T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ, xét xử bị cáo với mức án là 08 tháng tù là phù

hợp với tính chất mức mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Nhưng với hành vi phạm tội của bị cáo là hết sức táo bạo, gây ảnh hưởng lớn trong quần chúng nhân dân, mức án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm, bác kháng cáo của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết mới là có ông bà nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của những người bào chữa cho bị cáo:

Bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo phải nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bị cáo có ông bà nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 10 giờ, ngày 08-3-2018, Lê Thị T và T1, H (không rõ họ, địa chỉ) đến tại tiệm vàng “K” thuộc phường T2, thành phố B do chị Phan Thị Ngọc G làm chủ, đã có hành vi gian dối, mang 01(Một) sợi dây chuyền kim loại màu vàng, dài 60 cm, trọng lượng 37,8 gam có thành phần chính là Bạc, được xi lớp vàng mỏng bên ngoài (hàm lượng vàng rất thấp 0,14%) để cầm nhằm chiếm đoạt số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) của chị G nhưng bị phát hiện bị cáo T bị bắt quả tang còn T1, H chạy thoát.

Toà án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Lê Thị T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Lê Thị T gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật

tự tại địa phương. Để có tiền tiêu xài bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; gia đình bị cáo là hộ nghèo; hiện nay còn nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi; tuổi đời còn trẻ nhận thức còn hạn chế. Do đó, xử phạt bị cáo T mức án 08 (tám) tháng tù là phù hợp và thoả đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo và cung cấp đơn xác nhận ông bà nội của bị cáo là ông Lê Đình C và bà Lê Thị S là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến. Đây là tình tiết giảm nhẹ mới, nghĩ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về án phí:

Kháng cáo của bị cáo Lê Thị T được chấp nhận nên bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm bào chữa của hai Luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị T, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điều 15; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 57 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Lê Thị T 06 (sáu) tháng tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Lê Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Biên Hòa(2);
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hoà;
- Công an TP.Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (Nhà tạm giữ Công an TP.Biên Hòa);
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Biên Hoà;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thành Sơn